



Số: 08/2025/CBTT-FNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Chứng khoán Funan

Tên viết tắt: FNS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.62959158 - Fax: 028.62959218

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN THỊ ĐOAN THÙY**

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): Fax:

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và công văn Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/03/2025 tại đường dẫn:
https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-tai-chinh_49.html
- Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2024 đã được kiểm toán. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/03/2025 tại đường dẫn:
https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-ty-le-an-toan-tai-chinh_50.html

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- Lưu: P.KSNB.

Đính kèm:

- BCTC năm 2024 và CV giải trình.
- BC Tỷ lệ an toàn tài chính thời điểm 31/12/2024.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ ĐOAN THÙY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 10 tháng 03 năm 2025

Số: 24./2025/CV-FNS

V/v Giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN
năm 2024 biến động so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam

Theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 14 thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Chứng Khoán FUNAN (FNS) giải trình số liệu lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo tài chính năm 2024 so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên như sau:

Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ biến động
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong đó:	17,859,954,014	36,965,358,312	(51.68%)
- Lợi nhuận đã thực hiện	8,818,806,358	18,025,727,342	
- Lợi nhuận chưa thực hiện	9,041,147,656	18,939,630,970	

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty giảm (51.68%) so với cùng kỳ nguyên nhân là do:

Doanh thu từ Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua các tài sản tài chính FVTPL của danh mục tự doanh, doanh thu Lãi từ các khoản cho vay và phải thu lần lượt giảm (11.52%) và (29.56%) so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời chi phí Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua các tài sản tài chính FVTPL của danh mục đầu tư tự doanh Công ty tăng 19.77% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty giảm (51.68%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do thị trường chứng khoán và nền kinh tế trong nước năm 2024 có những biến động phức tạp làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Ngoài các khoản doanh thu và chi phí tăng mạnh trong kỳ như đã trình bày ở trên, thì các khoản doanh thu chi phí khác cũng tăng giảm tương ứng dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty giảm (51.68%) so với cùng kỳ năm trước. Công ty xin kính giải trình để Quý Ủy Ban và Quý Sở được biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

-Như trên.

-Lưu: P.KT. KSNB. P.HCNS.

Người Đại Diện Theo Pháp Luật

Nguyễn Thị Đoàn Thùy

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 54

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 484.225.502.438 VND và tổng tài sản là 690.647.043.513 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các thông tư sửa đổi có liên quan quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Đỗ Thị Anh Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Xu Chun	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2024
Ông Bellman Ronald David Windevere	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Thùy Trâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Anh Thoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Thị Thanh Xuân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Hoàng Thị Thùy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thảo Lưu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Đoan Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Đình Khánh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Bà Vũ Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2024
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ông Phan Văn Thẩm	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024
	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Đoan Thùy	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Đỗ Thị Anh Minh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Đoan Thùy - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 04/2024/QĐUQ-CT.HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc ngày 12 tháng 9 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 11938514/67863208

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan (“Công ty”), được lập ngày 8 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		659.491.665.655	731.462.804.314
110	I. Tài sản tài chính		658.530.463.309	730.397.872.339
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền		132.600.026.918	119.188.434.293
111.1	1.1 Tiền	5	132.600.026.918	119.188.434.293
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	140.715.652.370	100.310.513.620
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	40.000.000.000	73.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	342.291.578.866	433.143.118.202
117	5. Các khoản phải thu	8	401.525.123	1.188.294.285
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		401.525.123	1.188.294.285
117.4	5.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		401.525.123	1.188.294.285
118	6. Trả trước cho người bán	8	2.769.506.974	3.102.658.503
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	4.850.164.246	3.700.216.539
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(5.097.991.188)	(3.235.363.103)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		961.202.346	1.064.931.975
131	1. Tạm ứng		23.800.000	15.640.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	937.402.346	789.526.975
137	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	259.765.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.155.377.858	28.743.563.385
220	I. Tài sản cố định		14.711.080.529	13.786.093.567
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	6.033.470.563	6.341.656.927
222	1.1 Nguyên giá		15.312.017.805	18.597.624.177
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(9.278.547.242)	(12.255.967.250)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.677.609.966	7.444.436.640
228	2.1 Nguyên giá		28.907.348.007	26.307.348.007
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(20.229.738.041)	(18.862.911.367)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		128.000.000	128.000.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		16.316.297.329	14.829.469.818
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	2.078.430.020	2.049.430.020
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	749.708.152	1.197.352.597
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	13.488.159.157	11.582.687.201
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		690.647.043.513	760.206.367.699

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		206.421.541.075	252.161.819.275
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		184.921.541.075	176.232.819.275
311	1. Vay ngắn hạn	19	161.317.000.000	166.520.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		161.317.000.000	166.520.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	3.955.614.773	3.705.783.805
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	218.884.344	88.884.344
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000	11.100.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.256.942.552	1.611.421.308
323	6. Phải trả người lao động		848.683.742	1.465.307.624
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		59.139.860	67.830.130
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.568.114.858	2.096.148.287
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	15.502.383.389	471.666.220
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		194.677.557	194.677.557
340	II. Nợ phải trả dài hạn		21.500.000.000	75.929.000.000
341	1. Vay dài hạn	19	21.500.000.000	75.929.000.000
342	1.1 Vay dài hạn		21.500.000.000	75.929.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		484.225.502.438	508.044.548.424
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	484.225.502.438	508.044.548.424
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.1	463.100.000.000	463.100.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		463.100.000.000	463.100.000.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		463.100.000.000	463.100.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.105.496.556	5.105.496.556
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.105.496.556	5.105.496.556
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	10.914.509.326	34.733.555.312
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		48.615.466.861	81.475.660.503
417.2	4.2 Lỗ chưa thực hiện		(37.700.957.535)	(46.742.105.191)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		690.647.043.513	760.206.367.699

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		4.972.865.605	4.972.865.605
005	2. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ)			
	AUD		180,11	200,60
	USD		186,80	200,00
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	20.1	46.310.000	46.310.000
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK	21.1	97.225.910.000	84.648.240.000
	4.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		95.825.910.000	83.248.240.000
	4.2 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.400.000.000	1.400.000.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	21.2	180.000	-
	5.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		180.000	-
012	6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	21.3	560.000	560.000
013	7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	21.4	64.000.000	-

(*) Số dư tài khoản này thể hiện số lượng cổ phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21.5	5.432.263.830.000	5.661.326.980.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.954.051.780.000	2.181.798.110.000
021.2	b. Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		61.000.000	176.620.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		1.595.366.660.000	1.570.551.220.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.874.327.150.000	1.874.153.900.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		8.457.240.000	34.647.130.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	21.6	12.988.050.000	5.211.010.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		7.831.050.000	5.161.010.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		5.157.000.000	50.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	21.7	17.792.530.000	13.344.120.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	21.8	7.088.070.000	11.654.500.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của Nhà đầu tư	21.9	65.360.008.379	78.800.375.364
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		46.414.996.736	48.102.872.397
028	5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		18.945.011.643	30.680.413.967
030	5.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	17.089.000
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	21.10	65.360.008.379	78.783.286.364
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		65.063.874.846	78.635.500.017
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		296.133.533	147.786.347
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	17.089.000

Bà Trần Lệ Hà
Người lập

Bà Vũ Thúy Nga
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		41.515.268.634	46.922.444.244
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	1.635.021.837	181.057.544
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	37.255.673.362	45.846.461.424
01.3	1.3 Cổ tức phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	2.624.573.435	894.925.276
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	22.3	3.596.000.869	7.255.570.552
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	45.301.113.593	64.315.029.538
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	15.216.412.129	24.303.108.816
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23	1.888.258.958	2.105.993.248
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23	445.000.000	844.090.909
11	7. Thu nhập hoạt động khác	23	51.430.000	63.620.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		108.013.484.183	145.809.857.307
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(32.228.717.972)	(26.908.789.586)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	(3.994.147.643)	(77.874)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(28.214.525.706)	(26.906.830.454)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(20.044.623)	(1.881.258)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	8	(1.862.628.085)	(1.143.194.934)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	24	(719.682.356)	(890.409.047)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	(11.893.539.677)	(19.069.431.166)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26	(2.439.882.320)	(2.521.930.787)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	27	(623.769.681)	(579.778.000)
40	Cộng chi phí hoạt động		(49.768.220.091)	(51.113.533.520)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		4.650.333.895	3.734.713.132
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		988.723.259	804.463.569
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	28	5.639.057.154	4.539.176.701

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(5.655.540.599)	(4.186.964.067)
52	2. Chi phí lãi vay		(6.957.692.647)	(16.459.829.203)
60	Cộng chi phí tài chính	29	(12.613.233.246)	(20.646.793.270)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	30	(31.796.448.075)	(36.602.202.287)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		19.474.639.925	41.986.504.931
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		8.211.360	336.150.000
	2. Chi phí khác		-	(738.934.962)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		8.211.360	(402.784.962)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		19.482.851.285	41.583.719.969
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		10.441.703.629	22.644.088.999
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		9.041.147.656	18.939.630.970
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		(1.622.897.271)	(4.618.361.657)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(1.622.897.271)	(4.618.361.657)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		17.859.954.014	36.965.358.312
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		17.859.954.014	36.965.358.312
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		386	798
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	32	386	798
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	32	386	798

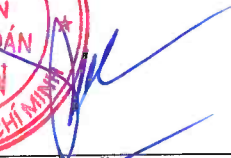


Bà Trần Lệ Hà
Người lập



Bà Vũ Thúy Nga
Kế toán Trưởng




Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(155.350.579.000)	(150.058.180.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		154.627.462.100	221.833.834.400
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(1.150.344.559)	(2.143.371.386)
04	4. Cổ tức đã nhận		2.617.786.435	950.217.276
05	5. Tiền lãi đã thu		4.389.557.031	9.928.172.613
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK		(7.356.713.087)	(16.407.479.899)
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(34.517.029.514)	(9.626.833.727)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(12.867.148.201)	(15.536.743.507)
09	9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(11.721.959.621)	(22.799.278.925)
11	10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.893.791.807.973	2.340.491.508.387
12	11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.728.454.673.788)	(2.221.908.760.186)
20	Tiền thuần sử dụng vào sử dụng vào hoạt động kinh doanh		104.008.165.769	134.723.085.046
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(3.412.173.475)	(1.707.889.200)
	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	336.150.000
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.412.173.475)	(1.371.739.200)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc		260.579.600.331	414.960.000.000
	1.1 Tiền vay khác		260.579.600.331	414.960.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(321.079.000.000)	(529.318.000.000)
	2.1 Tiền chi trả vay khác		(321.079.000.000)	(529.318.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(26.685.000.000)	(41.679.000.000)
40	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(87.184.399.669)	(156.037.000.000)
50	TIỀN THUẦN TRONG NĂM		13.411.592.625	(22.685.654.154)
60	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	119.188.434.293	141.874.088.447
61	1. Tiền		119.188.434.293	136.874.088.447
62	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
70	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	132.600.026.918	119.188.434.293
71	1. Tiền		132.600.026.918	119.188.434.293

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		5.551.130.302.350	8.536.787.940.970
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(5.097.122.020.260)	(8.300.196.350.630)
08	3. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán khách hàng		(466.783.054.800)	(282.739.808.818)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(648.505.275)	(749.551.034)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		52.318.759.529	67.390.063.132
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(52.335.848.529)	(67.372.974.132)
20	Giảm tiền thuần trong năm		(13.440.366.985)	(46.880.680.512)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	21.9	78.800.375.364	125.681.055.876
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		78.800.375.364	125.681.055.876
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		48.102.872.397	71.556.378.393
34	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		30.680.413.967	54.124.677.483
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		17.089.000	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	21.10	65.360.008.379	78.800.375.364
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		65.360.008.379	78.800.375.364
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		46.414.996.736	48.102.872.397
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		18.945.011.643	30.680.413.967
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	17.089.000

Bà Trần Lệ Hà
Người lập

Bà Vũ Thúy Nga
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

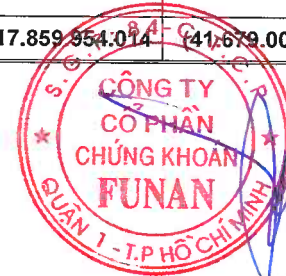
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Năm trước		Năm này		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		463.100.000.000	463.100.000.000	-	-	-	-	463.100.000.000	463.100.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông	20.1	463.100.000.000	463.100.000.000	-	-	-	-	463.100.000.000	463.100.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20.1	5.105.496.556	5.105.496.556	-	-	-	-	5.105.496.556	5.105.496.556
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20.1	5.105.496.556	5.105.496.556	-	-	-	-	5.105.496.556	5.105.496.556
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	39.447.197.000	34.733.555.312	36.965.358.312	(41.679.000.000)	17.859.954.014	(41.679.000.000)	34.733.555.312	10.914.509.326
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		105.128.933.161	81.475.660.503	18.025.727.342	(41.679.000.000)	8.818.806.358	(41.679.000.000)	81.475.660.503	48.615.466.861
- Lỗ chưa thực hiện		(65.681.736.161)	(46.742.105.191)	18.939.630.970	-	9.041.147.656	-	(46.742.105.191)	(37.700.957.535)
TỔNG CỘNG		512.758.190.112	508.044.548.424	36.965.358.312	(41.679.000.000)	17.859.954.014	(41.679.000.000)	508.044.548.424	484.225.502.438

Bà Trần Lệ Hà
Người lập

Bà Vũ Thúy Nga
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy phép thành lập và hoạt động số 87/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và ba (3) chi nhánh vào ngày lập báo cáo này như sau:

- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 10, Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- ▶ Chi nhánh Sài Gòn: Tầng 3, số 353 - 353 Bis - 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng: Số 90, 92 Hồ Xuân Hương, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 73 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 72 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 463.100.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 484.225.502.438 VND và tổng tài sản là 690.647.043.513 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Báo cáo tài chính*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết (ngoại trừ trái phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với chứng khoán đã niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày lập báo cáo tài chính hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với trái phiếu Chính phủ, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giá giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

4.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

4.13 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17 Lợi ích của nhân viên

4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5 % lương cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.17.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.25 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	132.600.026.918	119.188.434.293
- Bằng VND	132.592.477.501	119.180.329.666
- Bằng USD	4.726.193	4.819.000
- Bằng AUD	2.823.224	3.285.627
	132.600.026.918	119.188.434.293

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (Đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (Đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Của Công ty	3.457.632	116.978.041.100	385.446	13.228.714.400
- Cổ phiếu	3.457.632	116.978.041.100	385.446	13.228.714.400
b. Của nhà đầu tư	506.645.005	10.617.023.092.490	914.647.273	16.799.960.192.160
- Cổ phiếu	445.842.080	10.591.739.402.490	888.980.473	16.792.224.102.160
- Chứng quyền	60.677.200	21.553.747.000	25.573.700	6.015.486.000
- Chứng chỉ quỹ	118.200	2.812.482.000	93.100	1.720.604.000
- Trái phiếu	7.525	917.461.000	-	-
	510.102.637	10.734.001.133.590	915.032.719	16.813.188.906.560

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	122.249.036.313	102.955.317.050	93.579.091.219	64.059.613.800
HPG	23.466.103.318	18.156.831.550	23.466.103.318	17.311.391.500
TCB	20.024.511.667	19.720.000.000	20.024.511.667	12.720.000.000
VNM	17.636.678.760	16.009.514.400	6.889.088.760	6.254.081.600
TPB	6.623.060.337	4.895.799.300	5.729.060.337	3.393.609.000
DGW	6.263.500.000	3.762.720.000	6.263.500.000	3.765.600.000
VOS	4.862.665.000	4.972.500.000	-	-
BMI	4.537.265.000	3.331.020.000	2.573.860.000	1.409.100.000
HUT	3.896.875.249	1.498.282.400	3.896.875.249	1.915.525.600
CMX	3.448.950.000	1.256.130.700	3.448.950.000	1.391.799.200
Khác	31.489.426.982	29.352.518.700	21.287.141.888	15.898.506.900
Cổ phiếu chưa niêm yết	56.167.573.592	37.760.335.320	53.473.527.592	36.250.899.820
ABB	26.865.261.460	27.661.200.000	26.865.261.460	29.904.000.000
ROS	16.091.715.575	3.263.155.620	16.091.715.575	3.263.155.620
FLC	10.243.824.827	2.800.255.500	10.243.824.827	2.800.255.500
VGI	2.966.300.000	4.034.800.000	-	-
Khác	471.730	924.200	272.725.730	283.488.700
	178.416.609.905	140.715.652.370	147.052.618.811	100.310.513.620

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>40.000.000.000</u>	<u>73.000.000.000</u>

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bằng VND với lãi suất 5,9%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với giá trị 40 tỷ VND đang được dùng để đảm bảo hạn mức thấu chi tại cùng ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40 tỷ VND).

7.3 Các khoản cho vay

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	341.639.600.477	341.639.600.477	428.981.018.364	428.981.018.364
Ứng trước tiền bán chứng khoán	651.978.389	651.978.389	4.162.099.838	4.162.099.838
	<u>342.291.578.866</u>	<u>342.291.578.866</u>	<u>433.143.118.202</u>	<u>433.143.118.202</u>

Giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
HPG	23.466.103.318	-	(5.309.271.768)	18.156.831.550	23.466.103.318	-	(6.154.711.818)	17.311.391.500
TCB	20.024.511.667	-	(304.511.667)	19.720.000.000	20.024.511.667	-	(7.304.511.667)	12.720.000.000
VNM	17.636.678.760	-	(1.627.164.360)	16.009.514.400	6.889.088.760	-	(635.007.160)	6.254.081.600
TPB	6.623.060.337	-	(1.727.261.037)	4.895.799.300	5.729.060.337	-	(2.335.451.337)	3.393.609.000
DGW	6.263.500.000	-	(2.500.780.000)	3.762.720.000	6.263.500.000	-	(2.497.900.000)	3.765.600.000
VOS	4.862.665.000	109.835.000	-	4.972.500.000	-	-	-	-
BMI	4.537.265.000	-	(1.206.245.000)	3.331.020.000	2.573.860.000	-	(1.164.760.000)	1.409.100.000
HUT	3.896.875.249	-	(2.398.592.849)	1.498.282.400	3.896.875.249	-	(1.981.349.649)	1.915.525.600
CMX	3.448.950.000	-	(2.192.819.300)	1.256.130.700	3.448.950.000	-	(2.057.150.800)	1.391.799.200
Khác	31.489.426.982	1.488.237.500	(3.625.145.782)	29.352.518.700	21.287.141.888	1.226.580.000	(6.615.214.988)	15.898.506.900
	122.249.036.313	1.598.072.500	(20.891.791.763)	102.955.317.050	93.579.091.219	1.226.580.000	(30.746.057.419)	64.059.613.800
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
ABB	26.865.261.460	795.938.540	-	27.661.200.000	26.865.261.460	3.038.738.540	-	29.904.000.000
ROS	16.091.715.575	-	(12.828.559.955)	3.263.155.620	16.091.715.575	-	(12.828.559.955)	3.263.155.620
FLC	10.243.824.827	-	(7.443.569.327)	2.800.255.500	10.243.824.827	-	(7.443.569.327)	2.800.255.500
VGI	2.966.300.000	1.068.500.000	-	4.034.800.000	-	-	-	-
Khác	471.730	515.200	(62.730)	924.200	272.725.730	10.825.700	(62.730)	283.488.700
	56.167.573.592	1.864.953.740	(20.272.192.012)	37.760.335.320	53.473.527.592	3.049.564.240	(20.272.192.012)	36.250.899.820
	178.416.609.905	3.463.026.240	(41.163.983.775)	140.715.652.370	147.052.618.811	4.276.144.240	(51.018.249.431)	100.310.513.620

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản chính

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá trị tài sản tài chính như sau:

<i>STT</i>	<i>Loại TSTC</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị dự phòng 31/12/2024 VND</i>	<i>Giá trị dự phòng 31/12/2023 VND</i>	<i>Mức trích lập dự phòng năm nay VND</i>
<i>I</i>	<i>HTM</i>	40.000.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	40.000.000.000	-	-	-
<i>II</i>	<i>Cho vay</i>	342.291.578.866	-	-	-
	Cho vay ký quỹ	341.639.600.477	-	-	-
	Ứng trước	651.978.389	-	-	-
		382.291.578.866	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	401.525.123	1.188.294.285
- <i>Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i>	232.767.123	1.026.323.285
- <i>Dự thu cổ tức</i>	168.758.000	161.971.000
Trả trước cho người bán	2.769.506.974	3.102.658.503
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.850.164.246	3.700.216.539
- <i>Phải thu phí lưu ký</i>	4.816.659.542	3.648.959.646
- <i>Phải thu phí môi giới</i>	33.504.704	51.256.893
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	(5.097.991.188)	(3.235.363.103)
	<u>2.923.205.155</u>	<u>4.755.806.224</u>

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu trong năm nay như sau:

	<i>Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND</i>	<i>Số dự phòng đầu năm VND</i>	<i>Số trích lập (/hoàn nhập) trong năm VND</i>	<i>Số dự phòng cuối năm VND</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND</i>
Phải thu phí lưu ký	3.098.924.245	1.346.455.103	1.053.096.085	2.399.551.188	4.258.870.631
Trả trước người bán	2.698.440.000	1.888.908.000	809.532.000	2.698.440.000	2.698.440.000
	<u>5.797.364.245</u>	<u>3.235.363.103</u>	<u>1.862.628.085</u>	<u>5.097.991.188</u>	<u>6.957.310.631</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	937.402.346	789.526.975
- <i>Tiền thuê văn phòng</i>	187.138.180	139.140.354
- <i>Các dịch vụ khác</i>	750.264.166	650.386.621
Chi phí trả trước dài hạn	749.708.152	1.197.352.597
- <i>Bảo hành máy chủ</i>	228.133.336	456.266.668
- <i>Công cụ, dụng cụ</i>	168.047.238	377.592.706
- <i>Bản quyền phần mềm</i>	110.477.951	260.520.280
- <i>Các dịch vụ khác</i>	243.049.627	102.972.943
	<u>1.687.110.498</u>	<u>1.986.879.572</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	427.484.000	15.296.454.504	2.759.127.273	114.558.400	18.597.624.177
Tăng trong năm	-	712.173.475	100.000.000	-	812.173.475
Giảm khác	-	(4.097.779.847)	-	-	(4.097.779.847)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	427.484.000	11.910.848.132	2.859.127.273	114.558.400	15.312.017.805
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	427.484.000	9.148.130.898	2.565.793.952	114.558.400	12.255.967.250
Khấu hao trong năm	-	990.359.836	130.000.003	-	1.120.359.839
Giảm khác	-	(4.097.779.847)	-	-	(4.097.779.847)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	427.484.000	6.040.710.887	2.695.793.955	114.558.400	9.278.547.242
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	-	6.148.323.606	193.333.321	-	6.341.656.927
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	5.870.137.245	163.333.318	-	6.033.470.563

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.682.177.811 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.779.957.658 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	26.085.690.583	221.657.424	26.307.348.007
Tăng trong năm	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>28.685.690.583</u>	<u>221.657.424</u>	<u>28.907.348.007</u>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	18.641.253.943	221.657.424	18.862.911.367
Hao mòn trong năm	1.366.826.674	-	1.366.826.674
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>20.008.080.617</u>	<u>221.657.424</u>	<u>20.229.738.041</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	<u>7.444.436.640</u>	<u>-</u>	<u>7.444.436.640</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>8.677.609.966</u>	<u>-</u>	<u>8.677.609.966</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.048.006.018 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 13.048.006.018 đồng).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	2.022.430.020	2.027.430.020
Ký cược, ký quỹ cho các hoạt động khác	56.000.000	22.000.000
	<u>2.078.430.020</u>	<u>2.049.430.020</u>

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Tổng số tiền Công ty đóng cho quỹ không vượt quá 20 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN (tiếp theo)

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	9.277.595.546	8.127.250.987
Tiền lãi phân bổ	4.090.563.611	3.335.436.214
	<u>13.488.159.157</u>	<u>11.582.687.201</u>

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.656.662.596	1.522.051.172
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	223.562.177	246.712.633
Phải trả nhà đầu tư đặt mua chứng khoán	75.390.000	1.937.020.000
	<u>3.955.614.773</u>	<u>3.705.783.805</u>

Bao gồm trong các khoản phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là các khoản phải trả tiền mua chứng khoán của các giao dịch phát sinh trong ngày cuối tháng mà Công ty đã tài trợ cho khách hàng thông qua các khoản cho vay ký quỹ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả khác	218.884.344	88.884.344
	<u>218.884.344</u>	<u>88.884.344</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí phải trả ngắn hạn là các khoản dự chi lãi vay phải trả cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả cổ tức	14.994.000.000	-
Phải trả chi phí hoa hồng mở tài khoản	437.610.807	330.981.900
Phải trả chi phí hoa hồng đại lý	67.927.778	137.839.516
Phải trả khác	2.844.804	2.844.804
	<u>15.502.383.389</u>	<u>471.666.220</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.068.346	1.622.897.271	(1.520.327.353)	580.638.264
Thuế giá trị gia tăng	756.664	59.316.395	(49.657.693)	10.415.366
Thuế thu nhập cá nhân	1.131.869.898	9.502.954.701	(9.968.935.677)	665.888.922
- Thuế TNCN của nhân viên	97.705.067	1.292.449.672	(1.335.550.759)	54.603.980
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng chứng khoán	496.760.426	5.284.823.756	(5.329.169.523)	452.414.659
- Thuế TNCN của nhà đầu tư từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn	537.404.405	2.925.681.273	(3.304.215.395)	158.870.283
Thuế khác	726.400	182.312.498	(183.038.898)	-
	1.611.421.308	11.367.480.865	(11.721.959.621)	1.256.942.552

19. VAY

	Số đầu năm VND	Số vay /phân loại lại trong năm VND	Số đã trả /phân loại lại trong năm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	166.520.000.000	258.559.600.331	(264.630.000.000)	867.399.669	161.317.000.000
- Cá nhân	31.960.000.000	91.778.000.000	(63.109.000.000)	-	60.629.000.000
- Tổ chức kinh tế	134.560.000.000	101.781.600.331	(136.521.000.000)	867.399.669	100.688.000.000
- Vay thấu chi	-	65.000.000.000	(65.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn	75.929.000.000	21.500.000.000	(75.929.000.000)	-	21.500.000.000
- Cá nhân	75.929.000.000	21.500.000.000	(75.929.000.000)	-	21.500.000.000
	242.449.000.000	280.059.600.331	(340.559.000.000)	867.399.669	182.817.000.000

Các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 11 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 2,10%/năm đến 3,00%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,10%/năm - 5,50%/năm) và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn 2 năm, lãi suất 2,10%/năm đến 3,00%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,00%/năm - 6,50%/năm).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

20.1 Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	463.100.000.000	5.105.496.556	5.105.496.556	34.733.555.312	508.044.548.424
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.859.954.014	17.859.954.014
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(41.679.000.000)	(41.679.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	463.100.000.000	5.105.496.556	5.105.496.556	10.914.509.326	484.225.502.438

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 9%/cổ phần theo Nghị quyết số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-FNS ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Sunvie Investment PTE Ltd.	16.660.000	166.600.000.000	35,97
Hoàng Thị Thùy	3.200.000	32.000.000.000	6,91
Khác	26.450.000	264.500.000.000	57,12
	46.310.000	463.100.000.000	100,00

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Đơn vị</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Đơn vị</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	46.310.000	46.310.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>46.310.000</i>	<i>46.310.000</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán	46.310.000	46.310.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>46.310.000</i>	<i>46.310.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.310.000	46.310.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>46.310.000</i>	<i>46.310.000</i>

20.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	48.615.466.861	81.475.660.503
Lỗ chưa thực hiện	<i>(37.700.957.535)</i>	<i>(46.742.105.191)</i>
	<u>10.914.509.326</u>	<u>34.733.555.312</u>

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK*

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	95.825.910.000	83.248.240.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.400.000.000	1.400.000.000
	<u>97.225.910.000</u>	<u>84.648.240.000</u>

21.2 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK*

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch	<u>180.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký	560.000	560.000

21.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền	64.000.000	-

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.954.051.780.000	2.181.798.110.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	61.000.000	176.620.000
Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố	1.595.366.660.000	1.570.551.220.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.874.327.150.000	1.874.153.900.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	8.457.240.000	34.647.130.000
	5.432.263.830.000	5.661.326.980.000

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	7.831.050.000	5.161.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	5.157.000.000	50.000.000
	12.988.050.000	5.211.010.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chờ về	<u>17.792.530.000</u>	<u>13.344.120.000</u>

21.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền	<u>7.088.070.000</u>	<u>11.654.500.000</u>

21.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.414.996.736	48.102.872.397
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.414.996.736	48.102.872.397
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	18.945.011.643	30.680.413.967
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	17.318.026.482	28.377.494.573
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.626.985.161	2.302.919.394
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	-	17.089.000
	<u>65.360.008.379</u>	<u>78.800.375.364</u>

21.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	65.063.874.846	78.635.500.017
- Nhà đầu tư nước ngoài	296.133.533	147.786.347
	<u>65.360.008.379</u>	<u>78.783.286.364</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

22.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	1.290.142	1.080.776	40.637.423.700	41.484.095.253	(846.671.553)
	BCG	85.000	7.900	671.500.000	825.204.000	(153.704.000)
	MWG	44.200	50.000	2.210.000.000	2.000.150.000	209.850.000
	HDG	95.700	31.018	2.968.440.000	2.972.000.000	(3.560.000)
	MSN	84.192	73.180	6.161.194.800	6.295.700.500	(134.505.700)
	CMG	49.000	54.260	2.658.760.000	2.639.440.000	19.320.000
	POW	222.600	12.544	2.792.240.000	2.769.221.311	23.018.689
	CII	55.000	18.536	1.019.500.000	550.000.000	469.500.000
	TTF	238.090	3.765	896.405.100	3.011.279.150	(2.114.874.050)
	MBB	152.332	24.126	3.675.134.600	3.624.037.338	51.097.262
	SHB	43.100	11.850	510.735.000	499.655.000	11.080.000
	Khác	220.928	793.597	17.073.514.200	16.297.407.954	776.106.246
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	93.935	78.389	990.038.400	2.502.492.653	(1.512.454.253)
	DDV	11.000	19.500	214.500.000	213.400.000	1.100.000
	PNG	55	16.000	880.000	594.000	286.000
	HBC	75.080	6.542	491.148.400	2.016.838.653	(1.525.690.253)
	VLB	7.800	36.347	283.510.000	271.660.000	11.850.000
		1.384.077	1.159.165	41.627.462.100	43.986.587.906	(2.359.125.806)
	Trong đó:					
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					1.635.021.837
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					(3.994.147.643)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2023 VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	122.249.036.313	102.955.317.050	(19.293.719.263)	(29.519.477.419)	10.225.758.156
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	56.167.573.592	37.760.335.320	(18.407.238.272)	(17.222.627.772)	(1.184.610.500)
		178.416.609.905	140.715.652.370	(37.700.957.535)	(46.742.105.191)	9.041.147.656
<i>Trong đó:</i>						
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL					37.255.673.362
	- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL					(28.214.525.706)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Cổ tức từ tài sản tài chính FVTPL	2.624.573.435	894.925.276
Lãi từ tài sản tài chính HTM	3.596.000.869	7.255.570.552
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	45.301.113.593	64.315.029.538
	51.521.687.897	72.465.525.366

23. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	15.216.412.129	24.303.108.816
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.888.258.958	2.105.993.248
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	445.000.000	844.090.909
Thu nhập hoạt động khác	51.430.000	63.620.000
	17.601.101.087	27.316.812.973

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	157.377.333	272.783.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.335.000	61.335.000
Chi phí khác	500.970.023	556.290.221
	719.682.356	890.409.047

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoa hồng	6.981.131.283	12.004.187.400
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	2.796.790.816	4.430.242.216
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	1.371.368.460	1.950.942.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.249.118	684.058.643
	11.893.539.677	19.069.431.166

26. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lưu ký	1.889.886.260	1.907.633.858
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	549.996.060	614.296.929
	2.439.882.320	2.521.930.787

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản theo lương	623.769.681	579.778.000

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	4.650.333.895	3.734.713.132
Lãi quỹ hỗ trợ thanh toán	755.127.397	533.353.870
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	233.595.862	271.109.699
	5.639.057.154	4.539.176.701

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	5.655.540.599	4.186.964.067
Chi phí lãi vay	6.957.692.647	16.459.829.203
	12.613.233.246	20.646.793.270

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.783.843.422	14.664.018.577
Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương	11.717.418.530	15.489.444.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.681.602.395	1.709.040.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.675.247.773	1.880.057.137
Chi phí công cụ, dụng cụ	417.769.613	993.911.944
Chi phí văn phòng phẩm	13.157.481	42.800.594
Chi phí khác	1.507.408.861	1.822.929.146
	31.796.448.075	36.602.202.287

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	19.482.851.285	41.583.719.969
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.896.570.257	8.316.743.994
Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC FVTPL</i>	<i>5.642.905.141</i>	<i>5.381.366.091</i>
<i>Chi phí hoạt động không được khấu trừ</i>	<i>59.427.358</i>	<i>70.633.096</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền ngoại tệ</i>	<i>43.874</i>	<i>-</i>
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC FVTPL</i>	<i>(7.451.134.672)</i>	<i>(9.169.292.285)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền ngoại tệ</i>	<i>-</i>	<i>(41.654)</i>
<i>Thu nhập từ cổ tức</i>	<i>(524.914.687)</i>	<i>(178.985.055)</i>
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.622.897.271	4.420.424.187
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước	-	197.937.470
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.622.897.271	4.618.361.657

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.859.954.014	36.965.358.312
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông - Đơn vị	46.310.000	46.310.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	386	798
Thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	386	798

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Merit Group Australia Pty Ltd.	Vay	26.184.000.000	95.156.000.000
	Thanh toán nợ vay	(63.047.000.000)	(216.538.000.000)
	Chi phí lãi vay	1.488.692.993	4.848.174.247
Sunvie Investment Pte. Ltd.	Vay	81.143.000.000	72.518.000.000
	Thanh toán nợ vay	(78.152.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	1.139.336.108	826.322.971
	Trả cổ tức	(14.994.000.000)	(14.994.000.000)

Chi tiết thu nhập và thù lao của các nhân sự chủ chốt tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bà Đỗ Thị Anh Minh Tổng Giám đốc Thành viên khác Ban Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT	315.532.393	72.353.000
		79.935.686	-
		405.797.100	456.694.800

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
		<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Merit Group Australia Pty Ltd.	Vay	(25.179.000.000)	(62.042.000.000)
	Phải trả lãi vay	(461.095.888)	(1.269.825.316)
Sunvie Investment Pte. Ltd.	Vay	(75.509.000.000)	(72.518.000.000)
	Phải trả lãi vay	(1.107.018.970)	(826.322.971)
	Phải trả cổ tức	(14.994.000.000)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	8.629.452.155	8.412.374.288
Từ 1 đến 5 năm	3.079.073.629	11.711.859.779
Trên 5 năm	-	245.000.000
	11.708.525.784	20.369.234.067

33.3 Các tài sản đã cầm cố, thế chấp

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Mục đích đảm bảo
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	Vay thấu chi

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản vay của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Phân loại tài sản và công nợ ngoại tệ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<u>Ngoại tệ USD</u> <u>VND</u>	<u>Ngoại tệ AUD</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
Tài sản	4.726.193	2.823.224	7.549.417
Tiền	4.726.193	2.823.224	7.549.417
Nợ phải trả	100.688.000.000	-	100.688.000.000
Vay	100.688.000.000	-	100.688.000.000
Trạng thái tiền tệ nội bảng	<u>(100.683.273.807)</u>	<u>2.823.224</u>	<u>(100.680.450.583)</u>

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và UPCoM của Công ty là 140.714.773.170 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100.309.634.420 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 14.071.477.317 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.030.963.442 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 14.071.477.317 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.030.963.442 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa đến thời hạn trích lập dự phòng.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Trên 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.600.026.918	-	-	-	-	-	132.600.026.918
Các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn	40.000.000.000	-	-	-	-	-	40.000.000.000
Các khoản cho vay	342.291.578.866	-	-	-	-	-	342.291.578.866
Tài sản tài chính khác	16.001.619.004	-	-	-	-	4.816.659.542	20.818.278.546
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	401.525.123	-	-	-	-	-	401.525.123
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	33.504.704	-	-	-	-	4.816.659.542	4.850.164.246
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	2.078.430.020	-	-	-	-	-	2.078.430.020
- Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13.488.159.157	-	-	-	-	-	13.488.159.157
	530.893.224.788	-	-	-	-	4.816.659.542	535.709.884.330

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	132.600.026.918	-	-	-	132.600.026.918
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	140.715.652.370	-	-	140.715.652.370
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Các khoản cho vay	-	-	342.291.578.866	-	-	342.291.578.866
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - gộp	4.816.659.542	-	33.504.704	-	-	4.850.164.246
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	-	-	401.525.123	-	-	401.525.123
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	2.078.430.020	-	2.078.430.020
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-	13.488.159.157	-	-	13.488.159.157
	4.816.659.542	132.600.026.918	536.930.420.220	2.078.430.020	-	676.425.536.700
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	3.955.614.773	-	-	3.955.614.773
Vay	-	-	161.317.000.000	21.500.000.000	-	182.817.000.000
Nợ tài chính khác	-	-	17.289.382.591	-	-	17.289.382.591
	-	-	182.561.997.364	21.500.000.000	-	204.061.997.364
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	4.816.659.542	132.600.026.918	354.368.422.856	(19.421.569.980)	-	472.363.539.336

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Trần Lệ Hà
Người lập

Bà Vũ Thúy Nga
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Đoàn Thùy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

